

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:12/2022/DS-ST

Ngày 19/4/2022

V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản
và Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Thanh Liêm**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST-DS ngày 09/7/2021 về vụ kiện “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 01/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Đ** – sinh năm 1963 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 434, tổ 17, ấp A, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị L** – sinh năm 1959 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Ông **Hoàng Văn Đ1** – sinh năm 1958 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* anh **Lê Thanh V**, sinh năm 1986 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:***

Trước đây vào ngày 15/02/2018 tôi có cho vợ chồng ông Đ1 bà L vay số tiền là 40.000.000 đồng, sau đó vợ chồng ông Đ1 bà L vay thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng. Khi vay tiền ông Đ1 bà L có làm giấy cho tôi và có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là đến vụ lúa sẽ đóng lãi. Sau khi vay tiền vợ chồng ông Đ1 bà L không đóng lãi và cũng không trả số tiền gốc cho tôi.

Ngoài ra trước đây tôi có tham gia chơi hội do bà L ông Đ1 làm chủ hội, hội mùa 10.000.000 đồng/vụ, một năm 3 vụ. Trong đây hội này có 15 người chơi, tôi đứng tên trong sổ hội 1 chân, con tôi là Lê Thanh V đứng tên trong sổ hội 1 chân, thực tế thì tôi lấy tên con tôi là V đứng tên trong sổ hội vì con tôi gửi tiền về cho tôi nhờ tôi chơi hội dùm, còn việc đóng tiền hội và đi khai hội thì tôi trực tiếp đóng hội cho bà L ông Đ1 chứ con tôi không đóng tiền hội cho bà L ông Đ1. Tôi đóng hội cho bà L ông Đ1 được 6 lần hội sống thì bà L ông Đ1 ngưng không kêu hội nữa, sau đó giữa tôi và bà L ông Đ1 thống nhất bà L ông Đ1 trả lại cho tôi mỗi chân hội là 40.000.000 đồng, tổng số tiền hội 02 chân hội là 80.000.000 triệu đồng. Tại biên bản hoà giải của ấp Đá Nổi A ngày 05/7/2021 giữa hai bên cũng thống nhất số nợ hiện nay ông Đ1 bà L còn nợ của tôi tổng cộng là 130.000.000 đồng bao gồm số tiền vay là 50.000.000 đồng và số tiền hội là 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa tôi yêu cầu vợ chồng ông Đ1 bà L trả cho tôi số tiền gốc tổng cộng là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần. Còn về số tiền hội giữa tôi và con tôi là Lê Thanh V sẽ tính toán với nhau.

**** Bị đơn ông Hoàng Văn Đ1 bà Võ Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 27/12/2021:***

Trước đây vào ngày 15/02/2018 vợ chồng tôi có vay của bà Phạm Thị Đ số tiền 40.000.000 đồng, sau đó vay thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng, vợ chồng tôi có làm biên nhận nợ cho bà Đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, tới vụ đóng lãi.

Ngoài ra vợ chồng tôi có làm chủ hội, hội 10.000.000 đồng/vụ, một năm 3 vụ. Trong đây hội này bà Đ đứng tên trong sổ hội 1 chân hội, bà Đ lấy tên con của bà Đ là Lê Thanh V đứng tên trong sổ hội 1 chân hội, thực tế thì V chỉ đứng tên trong sổ hội còn việc đóng tiền hội và đi khai hội thì bà Đ trực tiếp đóng tiền hội cho vợ chồng tôi chứ Lê Thanh V không đóng tiền hội cho vợ chồng tôi. Sau khi hội kêu được 6 lần thì ngưng không kêu hội nữa, sau đó giữa vợ chồng tôi và bà Đ có ngồi tính toán và thống nhất vợ chồng tôi trả cho bà Đ số tiền hội 2 chân là 80.000.000 đồng.

Nay vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ của bà Đ số tiền vay là 50.000.000 triệu đồng và số tiền hụi là 80.000.000 đồng bao gồm 2 chân hụi do bà Đ và con của bà Đ là Lê Thanh V đứng tên trong sổ hụi, tổng cộng số tiền hiện nay vợ chồng tôi còn nợ của bà Đ là 130.000.000 đồng, nhưng hiện nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình vợ chồng tôi khó khăn không có khả năng trả nợ nên vợ chồng tôi xin trả dần cho bà Đ.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh V trình bày tại bản tự khai ngày 15/02/2022:**

Trước đây tôi có đứng tên 1 chân hụi trong sổ hụi của bà Võ Thị L ông Hoàng Văn Đ1, mẹ tôi là Phạm Thị Đ 1 chân hụi, đây hụi 10.000.000 đồng, hụi vụ, một năm khui 3 lần, khi chơi hụi thì mẹ tôi lấy tên tôi đứng tên trong sổ hụi là do tôi gửi tiền về cho mẹ tôi chơi hụi dùm tôi, còn đóng tiền hụi và đi khui hụi thì mẹ tôi trực tiếp đóng tiền cho bà L ông Đ1, tôi không có trực tiếp đóng tiền hụi cho bà L ông Đ1, sau khi đóng hụi được 6 lần thì mẹ tôi nói bà L ông Đ1 báo bẻ hụi, ngưng không kêu hụi nữa. Sau đó giữa mẹ tôi và bà L ông Đ1 thống nhất hiện nay bà L ông Đ1 còn nợ tiền hụi của mẹ tôi số tiền là 80.000.000 đồng bao gồm 1 chân hụi do tôi đứng tên trong sổ hụi và 1 chân hụi do mẹ tôi đứng tên trong sổ hụi và thỏa thuận bà L ông Đ1 sẽ trả số tiền hụi 80.000.000 đồng cho mẹ tôi. Nay mẹ tôi yêu cầu vợ chồng bà L ông Đ1 trả số tiền hụi là 80.000.000 đồng thì tôi cũng đồng ý là để bà L ông Đ1 trả tiền cho mẹ tôi, tôi không có yêu cầu gì trong vụ kiện này vì tôi không có trực tiếp đóng tiền hụi cho bà L ông Đ1 mà tôi chỉ đưa tiền cho mẹ tôi đóng cho bà L ông Đ1. Sau này giữa tôi và mẹ tôi sẽ tính toán với nhau sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: vợ chồng ông Hoàng Văn Đ1 bà Võ Thị L với tư cách là bị đơn và anh Lê Thanh V với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Phạm Thị Đ và vợ chồng ông Hoàng Văn Đ1 bà Võ Thị L là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của bà Đ yêu cầu vợ chồng ông Đ1 bà L trả số tiền gốc còn thiếu là 130.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ và vợ chồng ông Đ1 bà L thống

nhất trước đây vợ chồng ông Đ1 bà L có vay tiền của bà L số tiền là 50.000.000 đồng và ông Đ1 bà L còn nợ tiền hụi của bà Đ số tiền hụi là 80.000.000 đồng, tổng cộng số tiền hiện nay vợ chồng ông Đ1 bà L còn nợ của bà Đ là 130.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[4] Xét lời trình bày của vợ chồng ông Đ1 bà L cho rằng đồng ý trả số tiền 130.000.000 đồng nói trên cho bà Đ nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông bà đang gặp khó khăn không có khả năng trả nợ nên ông Đ1 bà L xin trả dần cho bà Đ. Việc vợ chồng ông Đ1 bà L xin trả dần số tiền trên không được bà Đ chấp nhận, nên yêu cầu của ông Đ1 bà L không có cơ sở chấp nhận.

Các đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét lời trình bày của anh Lê Thanh V xác nhận anh V có đứng tên trong sổ hụi của bà L và ông Đ1 1 chân hụi, tuy nhiên anh V chỉ đứng tên trong sổ hụi còn việc đóng tiền hụi và đi khai hụi là do mẹ của anh V là bà Đ trực tiếp đóng tiền cho bà L ông Đ1, anh V chỉ đưa tiền cho mẹ của anh đóng. Nay bà Đ và vợ chồng bà L ông Đ1 thống nhất hiện nay bà L ông Đ1 còn nợ tiền hụi của bà Đ số tiền là 80.000.000 đồng trong đó có 1 chân hụi do anh V đứng tên trong sổ hụi thì anh V cũng đồng ý là để bà L ông Đ1 trả tiền cho bà Đ, anh V không có yêu cầu gì trong vụ kiện này vì anh không có trực tiếp đóng tiền hụi cho bà L ông Đ1.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của anh V hoàn toàn phù hợp với lời trình bày và thừa nhận của bà Đ và vợ chồng ông Đ1 bà L, anh V không có yêu cầu gì trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Buộc vợ chồng ông Đ1 bà L có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 130.000.000 đồng.

Án phí tính như sau: 130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Yêu cầu của bà Đ được chấp nhận nên bà Đ không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí là 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn*).

đồng) theo lai thu số 0004669 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc vợ chồng ông Đ1 bà L phải nộp 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*), do ông Đ1 bà L là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và có đơn xin được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông Đ1 bà L không phải nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ.
2. Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn Đ1 bà Võ Thị L trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Hoàng Văn Đ1 bà Võ Thị L là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và có đơn xin được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông Đ1 bà L không phải nộp tiền án phí.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo lai thu số 0004669 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái